

Bản án số: **58a/2019/DS-PT**

Ngày 28-5-2019

V/v “*Tranh chấp quyền
sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Ông Nguyễn Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bảo Yên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Trịnh Duy Trung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 79/2019/QĐXXPT-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 34/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Thông báo về việc tiếp tục xét xử vụ án dân sự phúc thẩm số 02/TB-TA ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Đội 01, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn H: Luật sư H Minh Q, sinh năm: 1975 – Văn phòng Luật sư H– thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ: Số 491, đường Q, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn:

1/Ông Lê Viết C, sinh năm 1950;

2/Bà Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: Đội 01, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Diệu H: Bà Lê Thị Thu D, sinh năm: 1985; Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Theo văn bản uỷ quyền ngày 25 tháng 5 năm 2019 tại phòng Công chứng Bình Phước, số công chứng 7347, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/Bà Nguyễn Thị K sinh năm 1970;

Địa chỉ: Đội 01, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

2/Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1990;

3/Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1992;

4/Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Đội 01, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Đội 01, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Theo hợp đồng uỷ quyền số 1418, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng ngày 12 tháng 5 năm 2017 tại Văn phòng công chứng Bình Phước.

5/Ông Lê Văn H, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

6/Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

7/Uỷ ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tiến N, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Theo văn bản uỷ quyền số 18/GUQ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2018.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Viết C.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

(Ông H, Luật sư Q, ông C, bà D, bà K có mặt;

Bà H vắng mặt, ông H, bà X vắng mặt không có lý do; ông N có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI D V U Á N:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Năm 2004, gia đình ông Nguyễn Văn H có nhận chuyển nhượng từ ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị X một mảnh đất có diện tích 4.425m², tọa lạc tại: Đội 01, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Khi nhận chuyển nhượng phần diện tích đất này từ vợ chồng ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị X thì trên đất chưa có tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất và ông H, bà X cũng không biết trên phần diện tích đất này có một ngôi mộ con của ông Lê Viết C và bà Nguyễn Thị Diệu H. Năm 2004, gia đình ông H được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất này (giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số Y 300977, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 432/QSĐĐ/HĐCN-2003 ngày 23/3/2004). Khi vợ chồng ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị X giao phần diện tích đất này cho gia đình ông Nguyễn Văn H thì gia đình ông H giữ nguyên hiện trạng đất và cũng không biết là trên phần diện tích đất này có mộ phần con của ông Lê Viết C. Năm 2011, ông Lê Viết C, bà Nguyễn Thị Diệu H đổ vật liệu để xây dựng ngôi mộ trên đất thì gia đình ông H mới biết. Gia đình ông H đã gặp ông C, bà H để trao đổi, thương lượng, thỏa thuận và nhờ ban ấp, chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải, vận động ông C và bà H di dời ngôi mộ này ra nghĩa trang để trả lại quyền sử dụng đất cho gia đình ông H nhưng không được. Thời gian gần đây, ông C, bà H tiến hành móc ranh xung quanh ngôi mộ, lấn chiếm phần diện tích đất của gia đình ông H là 163.82m². Sự việc đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước hòa giải nhưng không thành.

Tại biên bản làm việc ngày 02/5/2019, ông H đồng ý để cho ngôi mộ con của ông Lê Viết C, bà Nguyễn Thị Diệu H, diện tích là 2,7m x 3,6m = 9,72m², cấu trúc ngôi mộ xây tô, phía trên mộ có nấm mộ xây tròn đường kính 1,8m; 4 góc nền mộ có xây trụ bên trên gác đài hoa sen, phía sau mộ có xây bia hậu, phía bên trong bia có ghi danh tánh: Lê Thị Thu Cẩm T, tạ thế ngày 9 tháng 6 năm Giáp Tuất (1994), lập mộ ngày 25 tháng 3 năm Tân Mão (2001) được giữ nguyên hiện trạng, ngoài ra, ông H đồng ý trừ ra đường hành lang quanh ngôi mộ, cụ thể phía bên hông trái là 0,5m, bên hông phải 0,5m, phía sau hậu 0,5m tính từ phía cạnh mộ trở ra để cho ông C, bà H được tiện chăm sóc.

Bị đơn là ông Lê Viết C trình bày:

Gia đình ông Lê Viết C và bà Nguyễn Thị Diệu H khai phá, sử dụng hợp pháp và ổn định một diện tích đất tọa lạc tại: Đội 01, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (vì đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa biết diện tích đất cụ thể). Bên cạnh diện tích đất của ông C, bà H khai phá là phần diện tích đất của ông Nguyễn Văn H (đất ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 300977, thuộc thửa số 90A, tờ bản đồ số 21).

Trong quá trình sử dụng đất, vào năm 1994 con của ông C, bà H chết nên ông C, bà H đã chôn cất trên phần diện tích đất đã khai phá trước đây. Phần diện tích đất này đã bị ông Nguyễn Văn H kê khai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông C, bà H phát hiện phần diện tích đất của mình khai phá đã cấp quyền sử dụng cho ông H thì các bên phát sinh tranh chấp. Phần diện tích đất mà ông C, bà H khai phá thì ông C, bà H sử dụng ổn định cho đến khi phát sinh tranh chấp.

Việc Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 300977 thuộc thửa 90A, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại: Đội 01, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước cho ông Nguyễn Văn H ngày 23/3/2004 là sai so với diện tích đất trên thực tế mà các bên đang sử dụng.

Ông Lê Viết C và bà Nguyễn Thị Diệu H yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 300977 thuộc thửa 90A, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 23/3/2004 cho hộ ông Nguyễn Văn H để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo đúng với diện tích đất và hiện trạng mà các bên sử dụng từ trước đến nay.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Diệu H – Bà Lê Thị Thu D trình bày:

Bà đại diện cho bà H thống nhất theo những lời trình bày của ông C, thống nhất theo yêu cầu của ông C. Yêu cầu Tòa án phúc thẩm hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 300977 thuộc thửa 90A, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 23/3/2004 cho hộ ông Nguyễn Văn H để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo đúng với diện tích đất và hiện trạng mà các bên sử dụng từ trước đến nay.

Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N - ông Nguyễn Văn H trình bày: Bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N đồng ý thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị X trình bày:

Vợ chồng ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X và gia đình ông Nguyễn Văn H, ông Lê Viết C không có bà con thân thuộc gì cả, từ trước đến nay thì giữa họ không có mâu thuẫn gì xảy ra. Nguồn gốc đất và nội dung vụ việc ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X chuyển nhượng đất cho gia đình ông Nguyễn Văn H diễn ra như sau: Năm 1992, vợ chồng ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X có khai phá một mảnh đất có diện tích đất tổng là 13.448m², tọa lạc tại: Đội 01, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Việc ông C chôn cất con vào năm 1994 trên mảnh đất của ông H, do ông H đi làm xa về phát hiện mộ con của ông C trên phần đất thì ông C có nói “đất lâm trường nên chôn đại lên đó trong lúc chưa có nghĩa trang” BL 19 biên bản làm việc ngày 07/12/2016). Ngày 14 tháng 12 năm 1999, gia đình ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất này (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00082/QSDĐ/830/QĐ-UBND (H) thuộc thửa số 90, tờ bản đồ số 21). Sau đó, ngày 03 tháng 12 năm 2003, gia đình ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X chuyển nhượng một phần diện tích đất này (cụ thể là 4.425m²) cho gia đình ông Nguyễn Văn H trên phần đất chuyển nhượng cho ông H có ngôi mộ nêu trên, việc chuyển nhượng có lập thành văn bản theo mẫu quy định và được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực cùng ngày.

Việc gia đình ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X chuyển nhượng phần diện tích đất 4.425m² cho gia đình ông Nguyễn Văn H là ngay tình, công khai và đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền, sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, các bên có tranh chấp phần diện tích đất này thì ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X không biết và không liên quan. Trong vụ án này, ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X cũng không có yêu cầu xem xét, giải quyết một vấn đề nào liên quan đến ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:

Hộ bà Nguyễn Thị X sử dụng đất, đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00082/QSDD/830/QĐ-UBND (H) ngày 14 tháng 12 năm 1999 (Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 21, tổng diện tích là 13.448m², đất cây lâu năm, có nguồn gốc khai phá năm 1993). Ngày 03 tháng 12 năm 2003, hộ bà Nguyễn Thị X tách một phần diện tích đất của thửa đất nêu trên thành thửa số 90A, tờ bản đồ số 21, diện tích là 4.425m², đất trồng cây lâu năm và lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H, được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 03 tháng 12 năm 2003, Phòng Nông nghiệp- Địa chính (cũ) thẩm tra ngày 23 tháng 12 năm 2003, Ủy ban nhân dân huyện Đ xác nhận ngày 06 tháng 02 năm 2004 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phát hành số Y 300977, số vào sổ 432/QSDD/HĐ1638/CN2003 ký ngày 23 tháng 3 năm 2004.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đã được các cơ quan chức năng huyện Đ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện Đ yêu cầu vụ án được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

“[1] Chấp nhận yêu cầu của các ông (bà) Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn H.

Buộc ông Lê Viết C và bà Nguyễn Thị Diệu H phải có nghĩa vụ liên đới di dời phần mộ của Lê Thị Cẩm T được chôn cất trên phần diện tích đất 187.7m² (Trong đó có 136.5m² thuộc hành lang bảo vệ đường bộ và 51.2m² thuộc quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 300977, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 432/QSDD/HĐ1638/CN-2003 do Ủy ban nhân dân huyện Đ ký cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H ngày 23/3/2004), tọa lạc tại đội 1, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; vị trí đất được xác định phía đông, nam và bắc giáp đất ông H, phía tây giáp đường để trả lại cho hộ ông Nguyễn Văn H quyền sử dụng đất

51.2m² và trả lại 136.5m² đất thuộc hành lang bảo vệ đường bộ (Có sơ đồ đất kèm theo).

[2] Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 300977, vào số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 432/QSDD/HĐ1638/CN-2003 do Ủy ban nhân dân huyện Đ ký cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H ngày 23/3/2004 của ông Lê Viết C và bà Nguyễn Thị Diệu H.

[3] Về chi phí di dời: Chi phí di dời được hỗ trợ, đền bù theo quy định tại Nghị định 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính Phủ và Quyết định số 68/2011/QĐ-UBND ngày 21/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước. Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H phải liên đới hoàn trả.

[4] Trường hợp ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X và Ủy ban nhân dân huyện Đ không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết... ”;

Ngoài ra còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 12/11/2018, ông Lê Viết C có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn phản tố của ông C, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 300977 thuộc thửa 90A, tờ bản đồ số 21, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước cấp ngày 23/3/2004 cho hộ ông Nguyễn Văn H để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo đúng với diện tích đất và hiện trạng mà các bên sử dụng từ trước đến nay.

Ngày 20/11/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước có Quyết định kháng nghị đối với toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bị đơn ông Lê Viết C, bà Nguyễn Thị Diệu H đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau các nội dung sau:

Hộ ông Nguyễn Văn H đồng ý để cho hộ ông Lê Viết C, bà Nguyễn Thị Diệu H được quyền quản lý đối với diện tích đất đã xây dựng ngôi mộ của chị Lê Thị Thu Cẩm T, có diện tích 3,80m x 2,80m = 10,64m², diện tích đất có ngôi mộ này nằm trong tổng diện tích đất 4.425m² của gia đình ông H đã được cấp GCNQSDĐ.

Hộ ông Lê Viết C, bà Nguyễn Thị Diệu H có trách nhiệm trả lại cho hộ ông Nguyễn Văn H diện tích đất 147,9m².

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 5.692.040 đồng, ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu.

Tiền án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Viết C và bà Nguyễn Thị Diệu H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông C, bà H là người cao tuổi nên xin miễn.

Ý kiến của Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước rút một phần kháng nghị của Quyết định kháng nghị số 06/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20 tháng 11 năm 2018 đối với nội dung kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét về thẩm quyền giải quyết vụ án, giữ nguyên nội dung phần kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm.

- Về hướng giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Viết C, bà Nguyễn Thị Diệu H; chấp nhận một phần kháng nghị số 06/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/11/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đối với nội dung kháng nghị về phần án phí dân sự sơ thẩm của bản án sơ thẩm, sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước rút một phần kháng nghị của Quyết định kháng nghị số 06/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20 tháng 11 năm 2018 đối với nội dung phần kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét về thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với khoản 3 Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự nên cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần này.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K và bị đơn ông Lê Viết C, bà Nguyễn Thị Diệu H (do bà Lê Thị Thu D là người đại diện theo ủy quyền), tự nguyện thỏa thuận được với nhau các nội dung sau:

- Hộ ông Lê Viết C, bà Nguyễn Thị Diệu H có trách nhiệm trả lại cho hộ ông Nguyễn Văn H diện tích đất 147,9m², tọa lạc tại: Đội 01, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

- Hộ ông Nguyễn Văn H đồng ý để cho hộ ông Lê Viết C, bà Nguyễn Thị Diệu H được quyền quản lý đối với diện tích đất 39,8m² đã xây dựng mộ ghi danh tính: Lê Thị Thu Cẩm T, và diện tích đất làm lối đi vào mộ là 29,1m², tọa lạc tại: Đội 01, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. (Diện tích đất ngôi mộ

này nằm trong tổng diện tích đất 4.425m² của hộ gia đình ông H đã được cấp GCNQSDĐ).

- Hộ ông Nguyễn Văn H được quyền liên hệ đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 300977, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 432/QSDĐ/HĐ1638/CN-2003 do Ủy ban nhân dân huyện Đ ký cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H ngày 23/3/2004 để cấp đổi lại GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông H sau khi đã trừ diện tích 39,8m² thuộc phần mộ của gia đình ông C, bà H nêu trên.

- Tiền án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Viết C và bà Nguyễn Thị Diệu H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông C, bà H là người cao tuổi nên xin miễn. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông C và bà H được miễn. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông C, bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là chưa phù hợp nên cần sửa bản án sơ thẩm về phần này nên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ có căn cứ nên chấp nhận.

- Đối với tiền chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 5.692.040 đồng, ông Nguyễn Văn H đã nộp tiền tạm ứng nhưng không yêu cầu các bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

[3]. Xét, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và việc thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Viết C và một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, sửa bản án dân sự sơ thẩm 15/2018/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

[4]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ được chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Lê Viết C được chấp nhận một phần nên ông C không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 284, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đình chỉ giải quyết đối với một phần kháng nghị của Quyết định kháng nghị số 06/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20 tháng 11 năm 2018 về nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét thẩm quyền giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Viết C.

Chấp nhận một phần kháng nghị số 06/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào Điều 136 Luật đất đai năm 2003:

Căn cứ vào các Điều 169, 256 của Bộ luật dân sự năm 2005;

1. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H với bị đơn ông Lê Viết C, bà Nguyễn Thị Diệu H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H về những nội dung sau:

Hộ ông Lê Viết C, bà Nguyễn Thị Diệu H được quyền quản lý đối với phần diện tích đất đã xây mộ 39,8m², (mộ ghi danh: Lê Thị Thu Cẩm T), tọa lạc tại: Đội 01, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, có tứ cận: Phía Tây giáp với đường đất dài 3,44m, phía Bắc giáp đất của ông H dài 11,34m, phía Đông giáp đất của ông H dài 3,4m, phía Nam giáp đất của ông H dài 12,03m; (Theo sơ đồ đo đạc ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bình Phước).

Diện tích trừ ra để làm lối đi vào mộ của gia đình ông Lê Viết C, bà Nguyễn Thị Diệu H có ghi danh tính Lê Thị Thu Cẩm T là 29,1m², tọa lạc tại: Đội 01, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, có tứ cận: Phía Tây giáp với đường đất dài 3,44m, phía Bắc giáp đất của ông H dài 11,34m, phía Đông giáp đất của ông H dài 3,4m, phía Nam giáp đất của ông H dài 12,03m; (Theo sơ đồ đo đạc ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bình Phước).

Hộ ông Lê Viết C, bà Nguyễn Thị Diệu H phải có trách nhiệm trả lại cho hộ ông Nguyễn Văn H diện tích đất 147,9m², tọa lạc tại: Đội 01, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, có tứ cận: Phía Tây giáp với đường đất dài 3,44m, phía Bắc giáp đất của ông H dài 11,34m, phía Đông giáp đất của ông H dài 3,4m, phía Nam giáp đất của ông H dài 12,03m; (Theo sơ đồ đo đạc ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bình Phước).

Diện tích đất thuộc ngôi mộ và lối đi vào mộ nêu trên không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi Nhà nước hỏi đất thì gia đình ông Lê Viết C, bà Nguyễn Thị Diệu H sẽ tự nguyện di dời.

2. Hộ ông Nguyễn Văn H được quyền liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 300977, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 432/QSDĐ/HĐ1638/CN-2003 do Ủy ban nhân dân huyện Đ ký

cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H ngày 23/3/2004), tọa lạc tại: Đội 01, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, sau khi đã trừ các diện tích đất nêu trên.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 5.692.040 đồng (Năm triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn không trăm bốn mươi đồng), ông Nguyễn Văn H đã nộp tiền tạm ứng nhưng không yêu cầu các bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Viết C và bà Nguyễn Thị Diệu H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông C, bà H là người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Nguyễn Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0023929, quyển số 000479 ngày 07 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Viết C không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Viết C số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010511 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thư Nguyễn Văn KH

Lê Hồng Hạnh

